

Bản án số: 13/2022/DS-ST  
Ngày 25 - 01 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Dũng Liêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh.

Bà Nguyễn Kim Kết.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 349/2021/TLST - DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 449/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T. Địa chỉ: Số 20, ấp B, xã Lý Văn L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn L, sinh năm 1972. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 20, ấp B, xã Lý Văn L, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo giấy ủy quyền ngày 22/10/2021, có mặt.

*Bị đơn:*

- Ông Diệp Văn B, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp Bờ Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, có mặt.

- Bà Trần Kim L, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp Bờ Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Đại diện nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Khoảng năm 2017 Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T (viết tắt là Công ty T) với ông Diệp Văn B và bà Trần Kim L có thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm (giao dịch bằng lời nói), theo đó Công ty T bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông B và bà L nuôi tôm, đến cuối mùa vụ, ông B, bà L phải thanh toán dứt điểm công nợ cho Công ty T.

Trong quá trình giao dịch ông B, bà L không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ cho Công ty T. Theo bảng đối chiếu công nợ tháng 4 năm 2021 ký ngày 10/5/2021, ông B, bà L còn nợ Công ty T số tiền 1.297.587.000 đồng. Ngày 03/02/2021 ông B, bà L thanh toán 20.000.000 đồng; ngày 08/9/2021 thanh toán 3.000.000 đồng và ngày 05/10/2021 thanh toán 3.000.000 đồng; ngày 06/12/2021 có thanh toán thêm 6.000.000 triệu đồng. Số tiền còn lại: 1.265.587.000 đồng. Công ty T đã liên hệ làm việc nhiều lần yêu nhưng ông bà không chịu thanh toán cho Công ty T.

Nay Công ty T yêu cầu ông B, bà L thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền là: 1.265.587.000 đồng. Số tiền lãi tính từ ngày 10/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 82.927.000 đồng (0,83%/tháng).

*Bị đơn ông Diệp Văn B trình bày:*

Ông thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian giao dịch, quá trình giao dịch, quá trình thanh toán nợ, hiện nay còn nợ T số tiền 1.265.587.000 đồng và đồng ý trả số tiền này. Do điều kiện khó khăn nên ông yêu cầu thanh toán dần số nợ trên. Đối với số tiền lãi ông không đồng ý trả vì hợp đồng không thỏa thuận lãi suất. Ông xác định ông là người có trách nhiệm trả, vợ ông là bà L không có liên quan gì nên Công ty T yêu cầu bà L cùng trả thì ông không đồng ý.

Đối với bà Trần Kim L, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L nhưng bà không có ý kiến gì, qua hai lần triệu tập xét xử bà L từ chối nhận văn bản triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Yêu cầu ông B, bà L thanh toán số tiền gốc là 1.265.587.000 đồng, đối với tiền lãi không yêu cầu bị đơn thanh toán, do không thỏa thuận được với bị đơn ở giai đoạn hòa giải nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định, phía nguyên đơn với bị đơn sẽ thỏa thuận phương thức trả nợ ở giai đoạn thi hành án.

Bị đơn ông B trình bày: Ông đồng ý thanh toán tiền nợ gốc cho nguyên đơn, yêu cầu trả dần nợ gốc 50.000.000 đồng/06 tháng. Ông thống nhất cùng vợ ông là bà L có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Trần Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán và thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc, không yêu cầu tính lãi, do đó được xác định là nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu trả số tiền nợ 1.265.587.000 đồng, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn và ông B thống nhất có thực hiện giao dịch mua bán thức ăn với nhau, nguyên đơn xác định ngày 10/5/2021 hai bên ký đối chiếu công nợ tháng 4 năm 2021 thì ông B, bà L còn nợ nguyên đơn số tiền 1.297.587.000 đồng. Ngày 03/02/2021 ông B, bà L thanh toán 20.000.000 đồng; ngày 08/9/2021 thanh toán 3.000.000 đồng và ngày 05/10/2021 thanh toán 3.000.000 đồng; ngày 06/12/2021 có thanh toán thêm 6.000.000 triệu đồng. Số tiền còn lại: 1.265.587.000 đồng bị đơn không tiếp tục thanh toán.

Ông B thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nêu trên và đồng ý thanh toán, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự quy định: “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng*”. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

[4.2] Xét về trách nhiệm trả nợ: Tại phiên tòa ông B thống nhất ông và bà L cùng có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn vì đây là nợ chung của vợ chồng, thời điểm giao dịch hợp đồng mua bán trong thời kỳ hôn nhân của ông bà và nhằm mục đích để sử dụng sinh hoạt kinh tế chung trong gia đình. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L nhưng bà không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, buộc ông B và bà L cùng có trách nhiệm cùng trả khoản nợ trên là phù hợp.

[4.3] Đối với yêu cầu của ông B về việc trả dần 06 tháng 50.000.000 đồng, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không đồng ý và xác định sẽ thỏa thuận với bị đơn về phương thức trả nợ ở giai đoạn thi hành án, do đó không chấp nhận yêu cầu này của ông B.

[4.4] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền: 1.265.587.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Bì, bà L phải chịu là: 49.967.610 đồng.

Công ty T không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 433, 434, 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T. Buộc ông Diệp Văn B, bà Trần Kim L trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T số tiền là: 1.265.587.000 đồng (một tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B, bà L chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng ông B, bà L còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T không phải chịu, hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T 25.986.000 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011677 ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi.

- Ông Diệp Văn B và bà Trần Kim L phải chịu 49.967.610 đồng (bốn mươi chín triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm mười đồng), (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Hồ Dũng Liêm**

